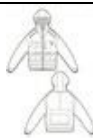
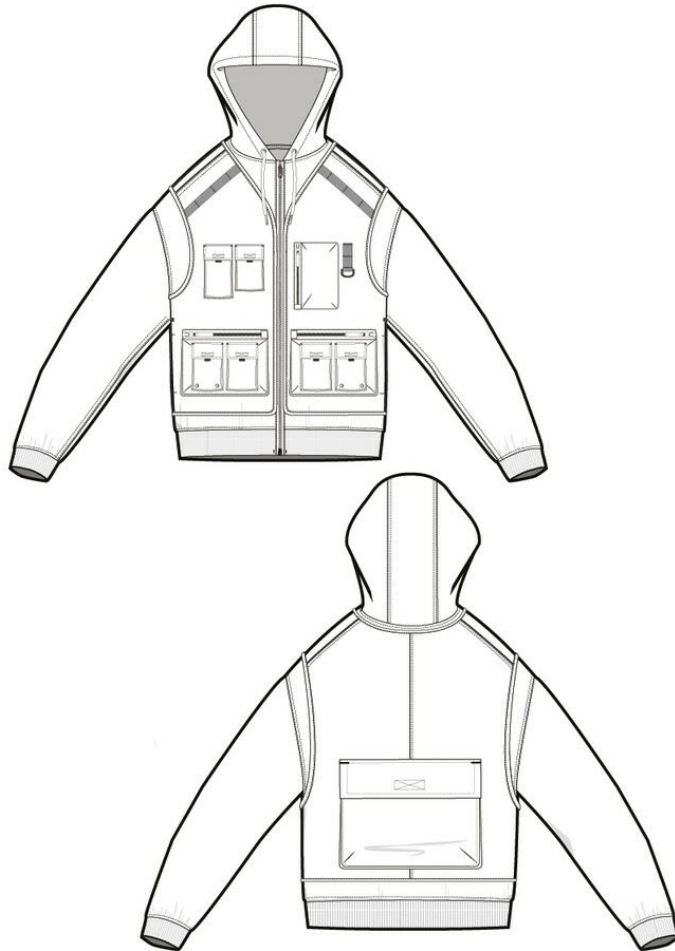
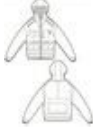
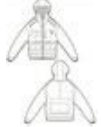
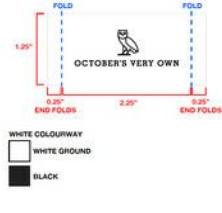
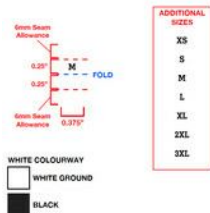
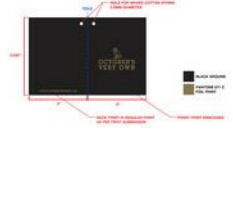
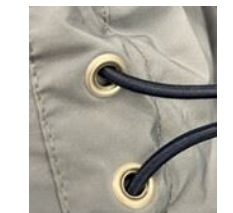


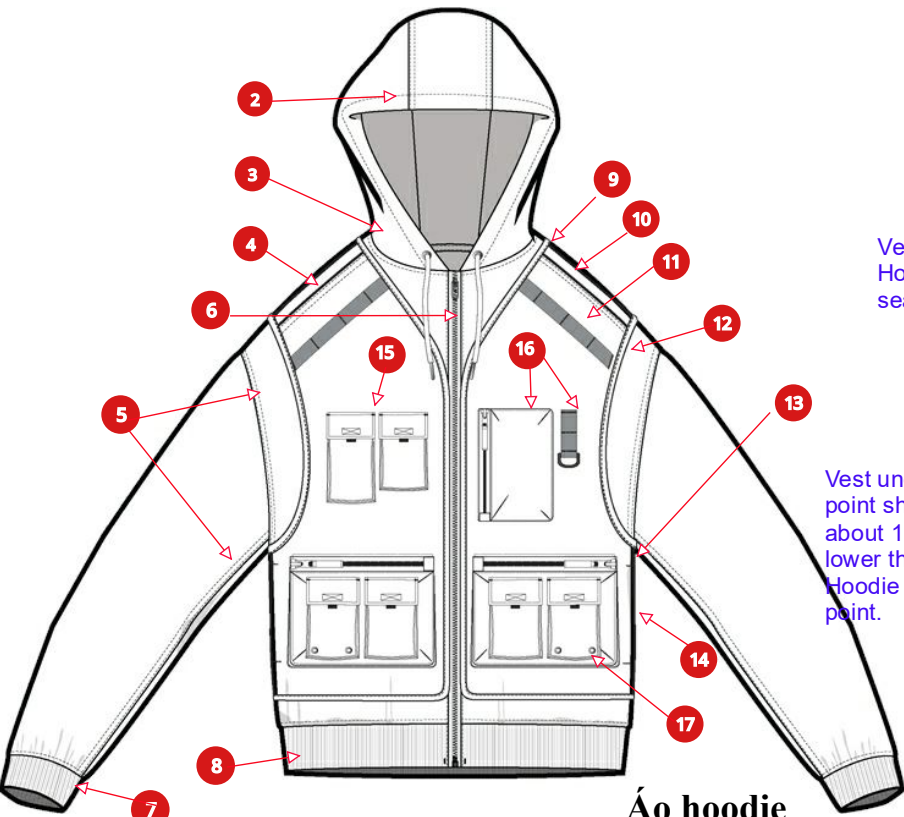
Article Summary							Version 1	
	Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP		
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE		
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material		Season	Q3 2026		
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM	Description		Life Cycle Stage	Development		
Gender Classification		Mens	Sub Class D		Solid	Fabrication		KNIT TOP
Supplier		UN-AVAILABLE CO. LTD	Release Date			Ex-Factory		
							COLORS	
SIZES								
000, 001, 002, 003, 004, 005, 006, 007, 008, XXS, XS, SM, MD, LG, XL, 2X, 3X, 4XL								

Bill of Materials - #1							Version 1
	Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP	
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material		Season	Q3 2026	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM	Description		Life Cycle Stage	Development	

Part	Material	Placement	Cons.	UOM.	Comments	Supplier	Supplier Ref.
Fabric							
	100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 WITH ENZYME (FB-K1002) - Ver.#1	BODY/ SLEEVE/ HOOD	0	Meter	SAME QUALITY AS PLAYSTATION		
	100% COTTON TWILL - 400 GSM (FB-W984) - Ver.#1 *softener wash for vintage hand feel	VEST	0	Meter	GD- PIGMENT DYED WITH ENZYME		
Trims							
	OVO 2023 One Side Main Label (TR-LT247) - Ver.#1 RECA REF: LBOVO172		0	Each		Reca Mainetti Asia Ltd	LBOVO172
	OVO 2023 Alpha Sizing Tab (TR-LT246) - Ver.#1 ARTICLE: OVOW23_181_T/ LBOVO175		0	Each		Reca Mainetti Asia Ltd	LBOVO175
	TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T (LT138) - Ver.#1 COUNTRY OF ORIGIN TAB		0	Each		Reca Mainetti Asia Ltd	OVOF21_217_T
	5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP (TR-TV140) - Ver.#1 FOR HANGTAG ATTACHMENT		0	Each		Vendor Sourced	
	OVO 2023 Booklet Hangtag (TR-HG142) - Ver.#1 Article code: HTOVO141A		0	Each		Reca Mainetti Asia Ltd	HTOVO141A
	CC LABEL - APPAREL (LT110) - Ver.#1 White Satin ground, Black text COO, Content, and Care Instructions may vary by style.		0	Each		Vendor Sourced	
	UPC STICKER- 1" X 2.5" (TR-ST114) - Ver.#1 PLEASE PRINT WITH THERMAL PRINTER		0	Each			
	METAL ZIPPER- 5GG (ZP199) - Ver.#1	CF CLOSURE	1.00	Each	ONE WAY 5 GAUGE METAL ZIPPER V7 MATTER BLACK SILVER @CF OPENING WITH WITH DA8LH SLIDER.	YKK Canada Inc.	
	HERRINGBONE TWILL TAPE ZIP PULLER (TR-ZP360) - Ver.#1	CF CLOSURE	1.00	Each			
	METAL ZIPPER- 5GG (ZP199) - Ver.#1	RIGHT CHEST POCKET AND BOTTOM CARGO POCKETS	3.00	Each	ONE WAY 3 5 GAUGE METAL ZIPPER V7 MATTER BLACK SILVER @ RIGHT CHEST POCKET AND BOTTOM CARGO POCKETS X3 WITH DA8LH SLIDER	YKK Canada Inc.	
	6MM METAL GROMMET (TR-HD267) - Ver.#1	CARGO POCKET BOTTOM CORNERS	4.00	Each	6MM V7 MATTER BLACK SILVER GROMMETS @ CARGO POCKET CORNERS 9SEE SKETCH FOR PLACEMENT)	Vendor Sourced	
	HERRINGBONE TWILL TAPE ZIP PULLER (TR-ZP360) - Ver.#1	CARGO POCKETS	6.00	Each	DTM HERRINGBONE TAPE 3/4" WIDE, 1/4" LONG FOR PULL TABS ON CARGO POCKETS (SEE SKETCH FOR PLACEMENT)		
	METAL EYELETS - 10MM (TR-HD201) - Ver.#1	HOOD DRAWCORD EXITS	2.00	Each	10MM V7 MATTER BLACK SILVER GROMMET @ HOOD FOR D/C EXITS	Vendor Sourced	

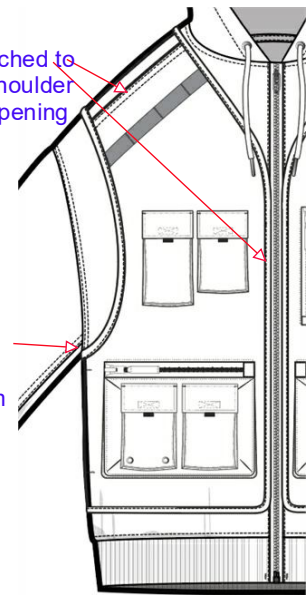
Bill of Materials - #1								Version 1	
	Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)		Product Group	TOP		
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE				Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE		
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material Description			Season	Q3 2026		
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM				Life Cycle Stage	Development		
Part	Material		Placement	Cons.	UOM.	Comments		Supplier	Supplier Ref.
	1/4" ROUND DRAWCORD 100% COTTON WITH METAL AGLET (TR-DR229) - Ver.#1		AT HOOD	1.00	Each	DTM 100% COTTON ROUND DRAWCORD WITH V7 MATTER BLACK SILVER SHOE LACE METAL TIPS		Vendor Sourced	
	100% COTTON HERRINGBONE TAPE - 3/4" WIDTH (TR-TV142) - Ver.#1		BELOW SHOULDER SEAM AT FRONT	2.00	Meter	DTM - HEAVY TAPE		Vendor Sourced	
	VELCRO (VL101) - Ver.#1		FRONT AND BACK POCKETS	6.00	Meter	DTM VELCRO CLOSURES @ FRONT AND BACK PATCH POCKETS WITH FLAP CLOSURES		Vendor Sourced	
	METAL D-RING (TR-HD225) - Ver.#1		RIGHT CHEST	1.00	Each	V7 MATTER BLACK SILVER METAL D RING, 1" WIDE BY 1" IN LENTH		Vendor Sourced	
Graphics									

Bill of Materials - #1 Material Image Sheet					Version 1																		
	Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP																	
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE																	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM			Season	Q3 2026																	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development																	
		TR-LT247 OVO 2023 One Side Main Label				TR-LT246 OVO 2023 Alpha Sizing Tab				LT138 TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T				TR-TV140 5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP				TR-HG142 OVO 2023 Booklet Hangtag				LT110 CC LABEL - APPAREL	
		TR-ST114 UPC STICKER- 1" X 2.5"				TR-ZP360 HERRINGBONE TWILL TAPE ZIP PULLER				TR-HD267 6MM METAL GROMMET				TR-HD201 METAL EYELETS - 10MM				TR-DR229 1/4" ROUND DRAWCORD 100% COTTON WITH METAL AGLET				TR-TV142 100% COTTON HERRINGBONE TAPE - 3/4" WIDTH	
		VL101 VELCRO				TR-HD225 METAL D-RING																	



Vest top stitched to Hoodie at shoulder seam, CF opening

Vest underarm point should be about 1 1/2" lower than Hoodie underarm point.



Comments

- 1 **Full Zip Tactical Hoodie**
 Garment dye Hoodie and Vest.
 Hoodie in Brushed Fleece.
 Vest, pockets and binding in Cotton Twill. Garment dye.
 - All interior seams join with #512 mock safety stitch, unless specified.
 - Fusing quality: Knit Tricot, light weight to be compatible with the ACTUAL fabric quality. Use white with light body colour, black with dark body colour.
 - All grommets, pocket corners, bar tacks: reinforce with fusing.
 - Binding must be cut in true bias fabric grain line.
 - Refer to BOM page for Trims details.
 - All velcro tape should be cut with round corners to avoid sharp edges.
 - All pocket seam allowances must be serged with 3-thread overedge to avoid fraying along the cut edges.

Áo Garment Dye

Áo hoodie = vải nỉ, áo vest = vải twill
 Toàn bộ sườn trong vắt sổ
 Chất lượng keo: keo tricot, mỏng nhẹ phù hợp vải chính.
 Tất cả mắt cáo, góc túi, đóng bọ: đều có ép keo bên dưới
 Dây viền binding cắt canh xéo
 Tất cả miếng băng gai/xù đều được cắt bo góc
 Tất cả đường may túi đều được vắt sổ để không bị tưa

- 2 **HOODIE**
 Hood
 3-piece hood. Fully lined. Interior hood is 3-piece in Jersey fabric.
 - Hood panel seams serged together. 2 n/d t/s along seams.
 - Hood opening facing: Self turned with s/n t/s 1" gauge to create drawcord casing.
 - Drawcord exits through grommets, tacked down at CF of hood opening. Drawcord tips: Clean finish with metal tips
 - Hood lining linked to shell at top of CB seam with twill tape.
- 3 **HOODIE**
 Neck seam/ Hoodie bottom seam.
 Seams stitched together. Clean finished with Jersey tape. 1/4" gauge, s/n Chain t/s.
- 4 **HOODIE**
 Shoulder
 Forward shoulder seam. Seams joined together. 1/4" gauge, S/N t/s along seams.

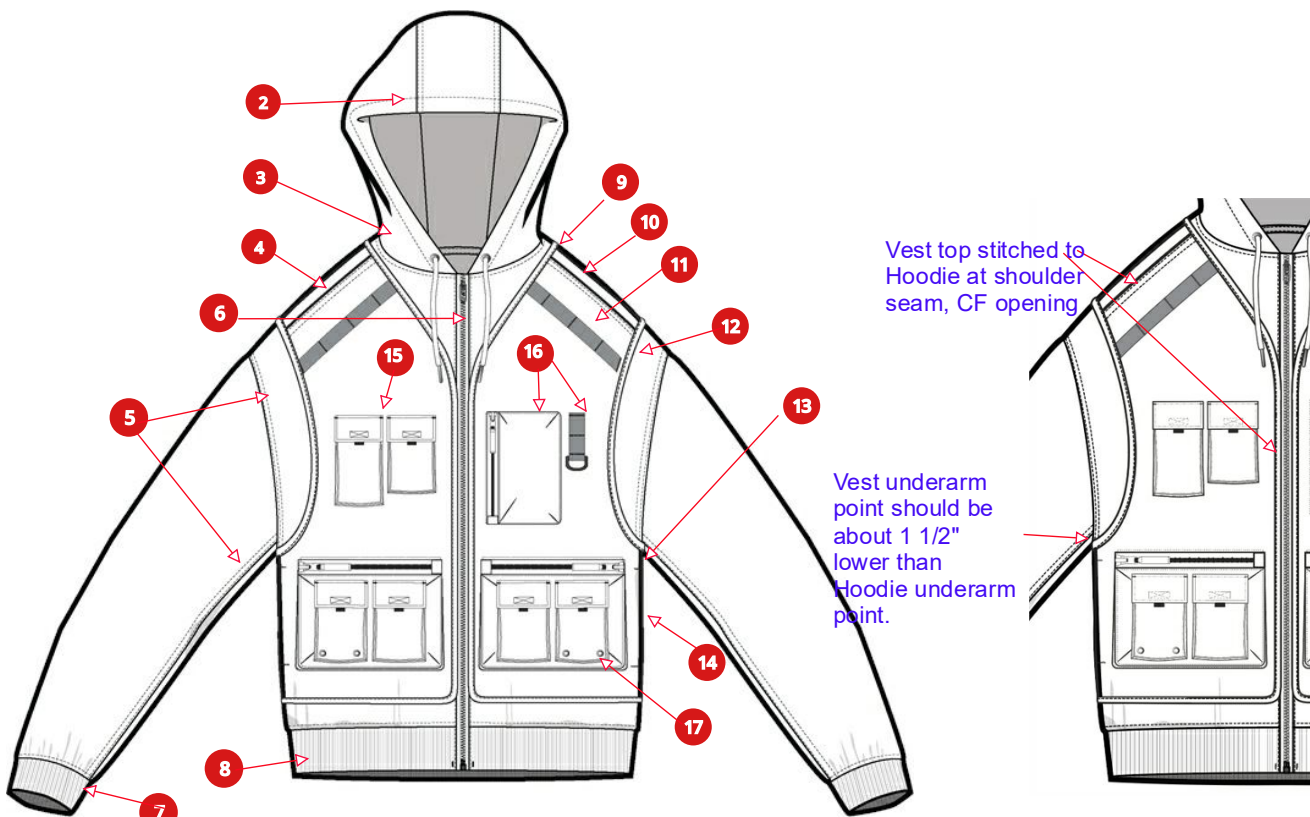
Áo hoodie

Nón 3 mảnh, lót bên trong bằng vải single
 Các mảnh may nối vào nhau và điều 2k dọc đường may
 Miệng nón gấp vào trong và điều 1k 1" để tạo đường luồn dây
 Dây luồn xuyên qua mắt cáo, dây luồn đầu tip kim loại
 Vải lót nón nối với vải chính ở sóng nón bằng dây tape
 Viền cổ sau = vải single, điều móc xích 1/4"
 Đường may vai, may chồm vai, điều 1k 1/4" dọc đường may

- 5 **HOODIE**
 Sleeve
 Set in sleeve.
 Seams joined together. 2 n/d t/s along armhole seam and under arm seam.

Tay áo, tra vào thân, ráp vào nhau điều 2k dọc nách và sườn tay trong

CHÚ Ý: YÊU CẦU MAY CỦA A NGÂN/ c SON cho áo HOODIE để đi nhuộm
May miệng nón chéo đường may để mềm vải tại miệng nón
Không điều sườn 2k sườn tay và thân
Thân trước liền tra dây kéo sau



- 10 **VEST****
Shoulder
Forward shoulder. Seam serged together.
2 N/D t/s along seams.
Vest shoulder seam to be TOP stitched down to Hoodie shoulder seam to keep Vest in place.
Webbing overlayed on Vest, positioned at 1" under shoulder seam. Edge top stitched along both side. HORIZONTAL top stitched as per the sketch.
- 11 **VEST****
Webbing overlayed on Vest, positioned at 1" under shoulder seam. Edge top stitched along both side. HORIZONTAL top stitched through front Vest only as per the sketch.
- 12 **VEST****
Armhole
Clean finished with binding. Edge t/s.
- 13 **VEST****
Side seam
Vest side seam serged together with Hoodie side seam.
- 14**
On-seam pocket
Pocket entry through Hoodie body.
- Pocket opening: Clean finished. 1/4" gauge, s/n t/s. Bar tack at both ends of pocket opening.

****HOODIE****

(Áo vest)

Vai áo: Chòm vai, vắt sổ, điều 2k dọc đường may vai. May đính đường may vai của áo vest vào đường may vai của hoodie để cố định áo vest

Dây tape webbing may trên áo vest, dưới đường may vai 1". Điều 1k dọc 2 cạnh. Điều ngang từng đoạn như hình minh họa.

Nách áo: bọc dây binding, điều 1k

Sườn áo: May vắt sổ riêng (UA đề nghị)

Túi sườn

Miệng túi may sạch, điều 1/4" đánh bọ 2 đầu miệng túi.

- CF CLOSURE**
1-way zipper, exposed zipper with self extension at CF. 1/4" SN T/S on each side. Inside seam allowances and zipper tape cleanfinished with Jersey binding, SN edge T/S on taping. Ends of binding turned under and stitched to secure.

(Hoodie) Dây kéo 1 chiều, dây kéo lộ ở giữa trước, điều 1k 1/4" ở 2 bên, Đường may bên trong có dây binding và điều 1k, gấp đuôi dây viền và may lại

- 7 **HOODIE****
SLEEVE OPENING
Folded rib cuff. Join to sleeve opening with #512 mock safety stitch. s/n CHAIN t/s, 1/4" spacing.

(Hoodie) Cửa tay: Gấp đôi vải rib, vắt sổ tra vào thân tay, điều 1k móc xích 1/4"

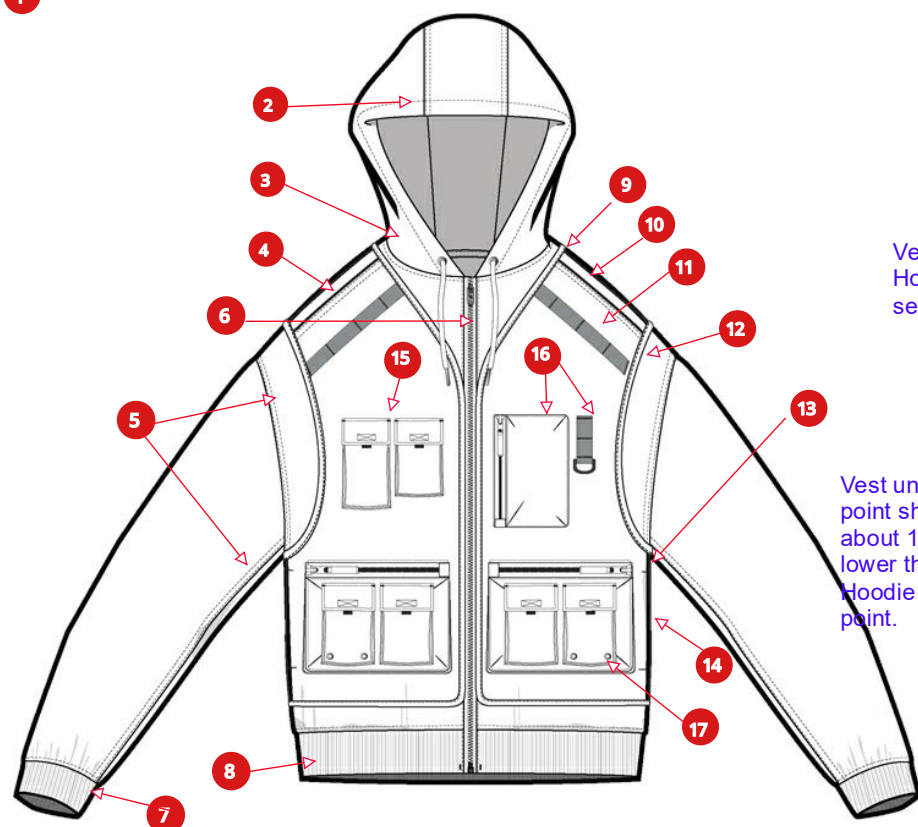
- 8 **HOODIE****
BOTTOM SWEEP OPENING
Folded rib cuff. Join to sleeve opening with #512 mock safety stitch. s/n CHAIN t/s, 1/4" spacing.

(Hoodie) - lai áo: Gấp đôi vải rib, vắt sổ tra vào thân tay, điều 1k móc xích 1/4"

- 9 **VEST****
Vest is secured to HOODIE at shoulder seam, CF opening and side seam.
Front/back neckline, CF opening, bottom sweep opening cleanfinished with binding continuously. Edge t/s.
Binding joined seam positioned at 1" toward the back from shoulder fold line.

(vest) Áo vest đính vào hoodie ở đường may vai, giữa trước và sườn
Cổ trước và sau, giữa trước, lai áo may sạch với dây viền liên tục và điều 1k
Dây viền nối tại 1" về phía thân sau từ cao vai

1



16

****VEST****

Refer to Chest Zip pocket - Wearer's left page for details.
Pockets stitched to VEST only.

Webbing:

- Top seam: Clean finished. Bar tacked to secure webbing to Vest.
- Webbing end: Loop through D-ring. Bar tacked to hold ring in place.
- HORIZONTAL top stitched through front Vest only as per the sketch.

17

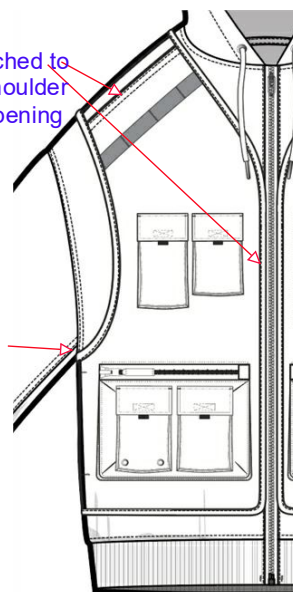
****VEST****

Refer to Lower Front pocket page for details.
Pockets stitched to VEST only.

- Pocket flap with Velcro closure. FUSED. 2-ply. Clean finished. 1/4" gauge, s/n t/s. Bar tack at both top seam ends.
- Pocket bag with bellow at sides and bottom. All seam allowances serged with 3-thread overedge. Edge top stitch around bag and bellow.

Vest top stitched to Hoodie at shoulder seam, CF opening

Vest underarm point should be about 1 1/2" lower than Hoodie underarm point.



- Pocket bag: Knuckle in Jersey fabric. Palm side in self-fabric. Bag extended and attached to Hoodie bottom band seams. Bag seams serged together #512.

15

****VEST****

Refer to Chest cargo pocket - Wearer's right side page for details.

Pockets stitched to VEST only.

- Pocket flap with Velcro closure. FUSED. 2-ply. Clean finished. 1/4" gauge, s/n t/s. Bar tack at both top seam ends.
- Pocket bag with bellow at sides and bottom. All seam allowances serged with 3-thread overedge. Edge top stitch around bag and bellow.

Bao túi: mặt trong lót túi là vải jersey, mặt ngoài bằng vải chính
Bao túi kéo dài xuống đường tra bo hoodie và vắt sổ xung quanh

(Áo vest)

Tham khảo túi hộp ngực ở trang tiếp theo, chỉ may vào thân vest

Nắp túi có may băng gai/xù, ép keo, 2 lớp. May sạch

Điểm 1k 1/4" xung quanh, đóng bọ ở cạnh trên.

bụng túi ở cạnh bên và dưới. Điểm 1k mí xung quanh mép và bụng túi

(Áo vest)

Tham khảo túi dây kéo ngực ở thân trái người mặc. Chỉ may vào áo vest.

Dây tape webbing

Mép trên: May sạch, đánh bọ vào thân

Mép dưới: Xỏ móc chữ D và đánh bọ để giữ móc

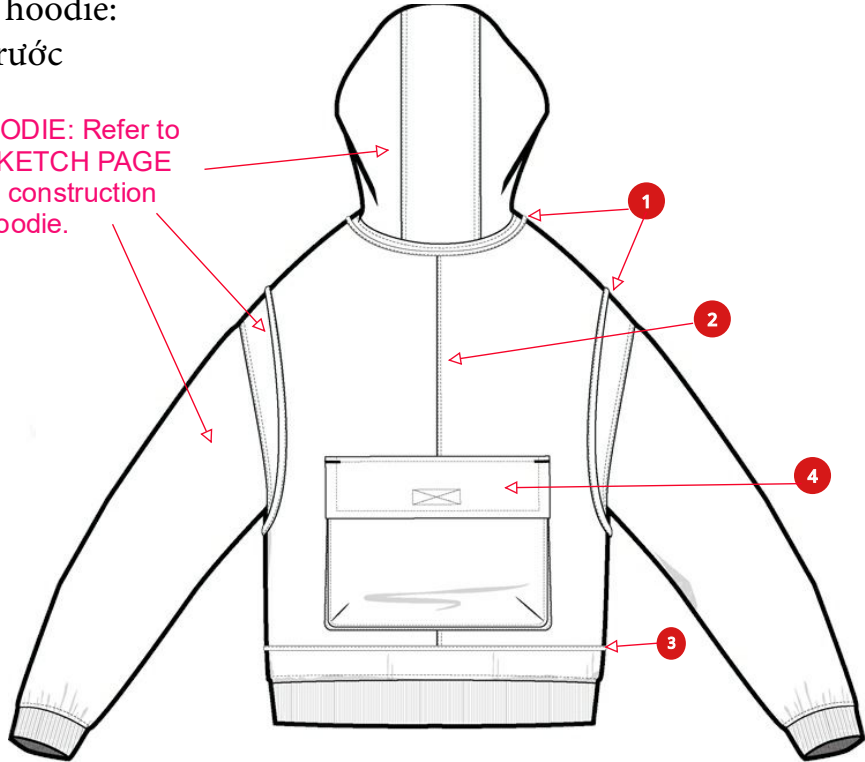
Đảm bảo chỉ may vào áo vest như hình minh họa

(Áo vest) Tham khảo túi dưới mép lai ở trang tiếp theo, chỉ may túi vào áo vest
Nắp túi có may băng gai/xù, ép keo, 2 lớp. May sạch
Điểm 1k 1/4" xung quanh, đóng bọ ở cạnh trên.
bụng túi ở cạnh bên và dưới. Điểm 1k mí xung quanh mép và bụng túi

Construction details - Back sketch					Version 1	
Article Code	M-0326-KT-7310	Material Description	100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP	
Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
Created On	09-09-2025 11:52:00 AM			Season	Q3 2026	
Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development	

Thân sau áo hoodie:
 Xem trang trước

BACK HOODIE: Refer to FRONT SKETCH PAGE for sewing construction on back hoodie.



Comments

- 1 **VEST**
 Neckline, armhole. Clean finished with binding.
- 2 **VEST**
 CB seam
 Cut and sew seam.
 Seams serged together. 1/4" gauge, 2 n/d t/s.
- 3 **VEST**
 Bottom sweep opening
 Clean finished with binding.

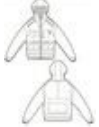
Áo vest:

Nách / cổ may sạch với dây viền
 Thân sau: 2 mảnh, ráp giữa thân sau, điều 2k 1/4"
 Lai áo may sạch với dây viền

- 4 **VEST**
 CB Cargo pocket
 Refer to Back pocket page for details.
 Pockets stitched to VEST only.
 - Pocket flap with Velcro closure. FUSED. 2-ply. Clean finished.
 1/4" gauge, s/n t/s. Bar tack at both top seam ends.
 Pocket bag with bellow at sides and bottom. All seam allowances serged with 3-thread overedge. Edge top stitch around bag and bellow.

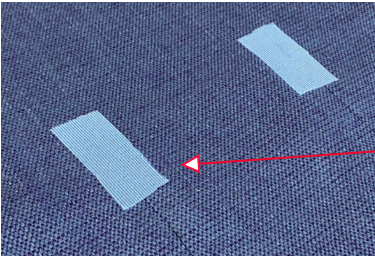
Túi hộp

Túi hộp thân sau -xem trang chi tiết quy cách/ thông số
 Túi may vào áo vest
 Nắp túi có băng gai/xù, ép keo, 2 lớp, may sạch. Điều 1/4" xung quanh .
 Đóng bọ 2 cạnh trên nắp túi
 Túi hộp ở cạnh bên và đáy, Tất cả đường may vắt sổ. Điều 1k xung quanh bụng túi và mép túi

Construction - Chest cargo pockets - Wearer's Right					Version 1	
Article Code	M-0326-KT-7310			Product Group	TOP	
Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
Created On	09-09-2025 11:52:00 AM			Season	Q3 2026	
Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development	

Chest pocket details - Wearer's Right

Chi tiết túi hộp ngực phải người mặc



Đóng bộ tại các vị trí bên dưới

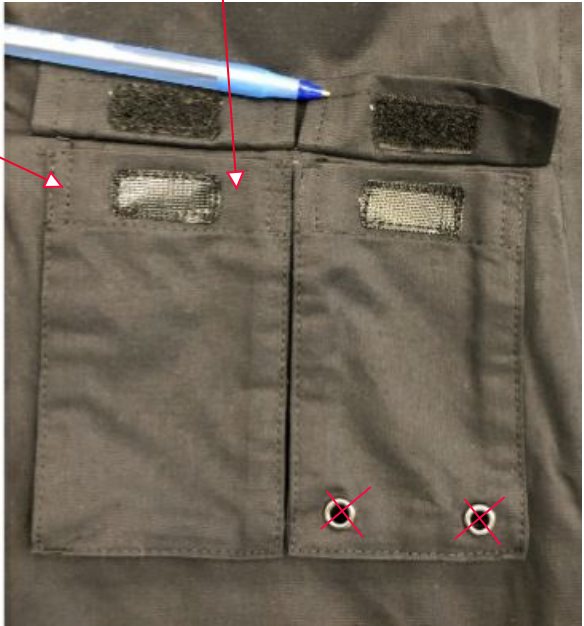
Reinforce bar tack areas with fusing

Miệng túi: ép keo và điều như hình minh họa

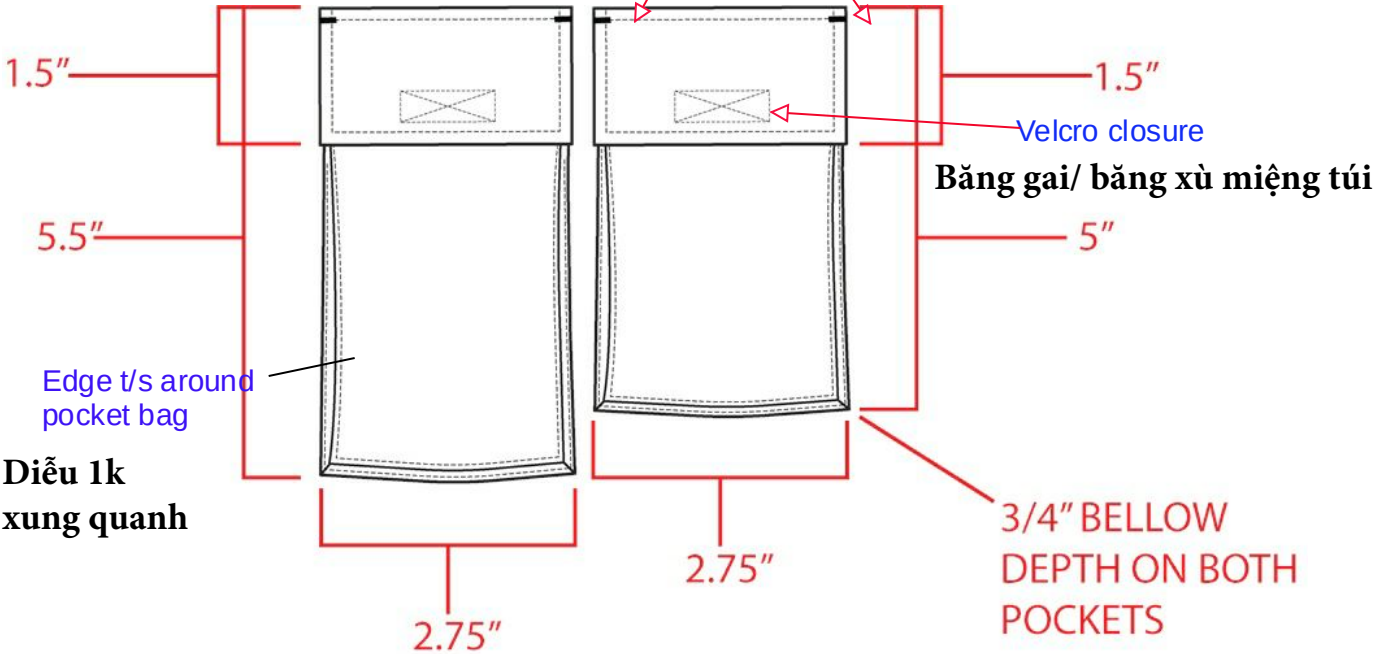
Pocket opening ends: Reinforced with Fusing and Triangular stitching.

Miệng túi: Gấp đôi vào trong, điều 1k để tạo miệng túi

Pocket opening : Double fold. S/n t/s to form hem



Reference photo for Cargo pocket construction



Cao túi hộp

Construction-Chest Zip pkts. - Wearer's Left					Version 1
Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP
Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE
Created On	09-09-2025 11:52:00 AM			Season	Q3 2026
Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development

Quy cách may túi ngực dây kéo và dây tape bên trái người mặc

Chest Zip. pocket and Webbing details - Wearer's Left

Điều 1k xung quanh túi

4.25"

Edge t/s around pocket bag

Dây tape đầu dây kéo

Zipper with tape pull

6.25"

Exposed zipper with 1/2" height self fabric garage at bottom end

Small dart at pocket corners.

GARAGE 1/2" TALL

Chiết pen tại các góc túi

Cạnh trên dây tape webbing

Gấp vào , may sạch và điều đóng bộ ngang

0.75"

Webbing top seam: Stitched and turned. Clean finished seam.

3"

Webbing end: Bar tacked along webbing cut edge neatly with full coverage.

Cạnh dưới dây tape webbing

Đánh bộ cạnh dưới trên móc chữ D

1"

1"

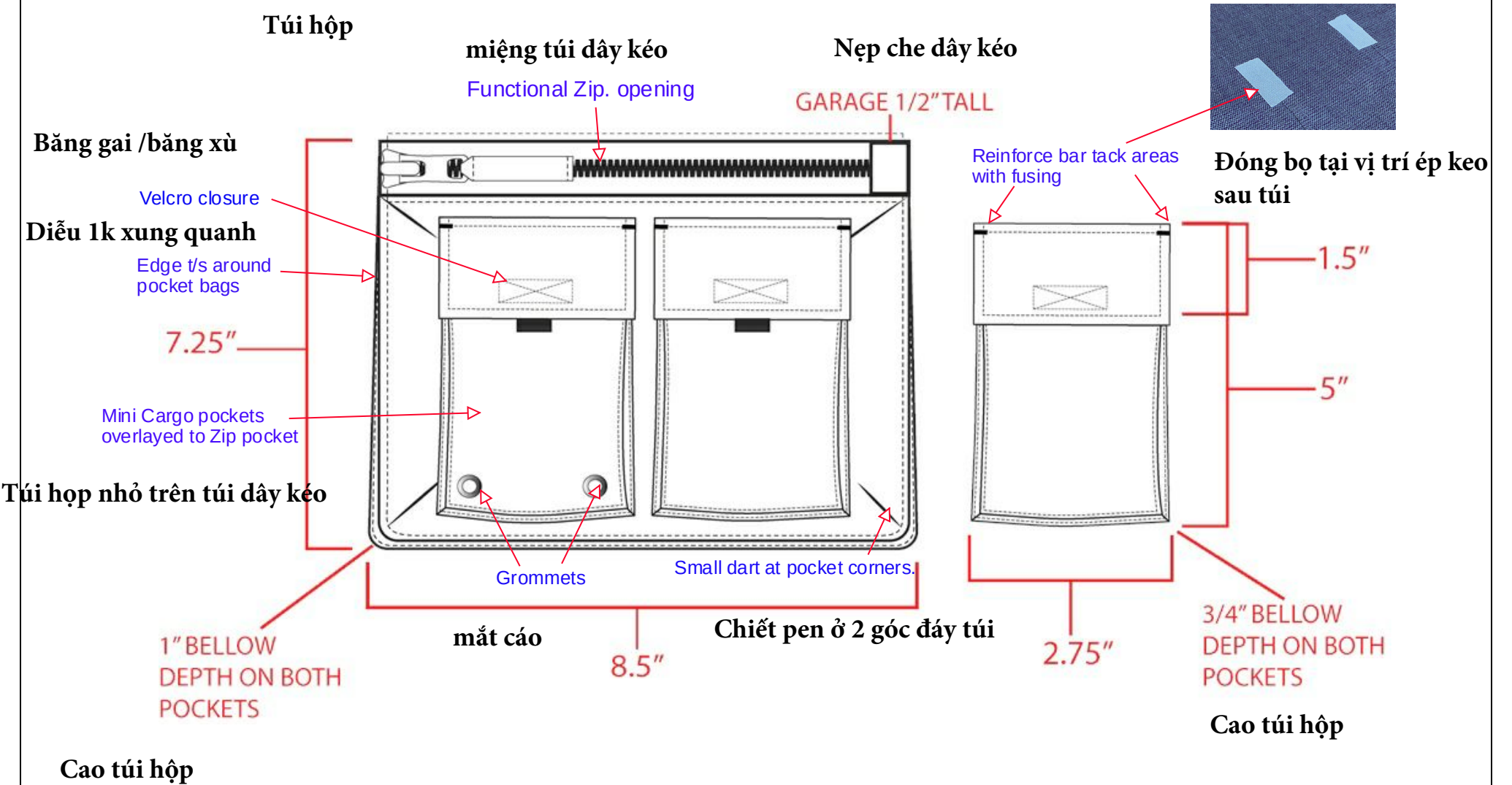
Kích móc chữ D

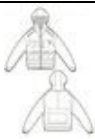
Dây kéo lộ ra ngoài với nếp che dây kéo 1/2"= vải chính

Construction - Lower Front pkt.						Version 1
Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP	
Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
Created On	09-09-2025 11:52:00 AM			Season	Q3 2026	
Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development	

Quy cách / thông số túi trước mép lai

Lower front pocket details



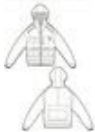
Construction - Designer's Ref. photos						Version 1
Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP	
Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material		Season	Q3 2026	
Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM	Description		Life Cycle Stage	Development	



Measurement - HOODIE - OFFICIAL GRAPHIC 2025

All measurements are in Inch

Version 1

	Article Code	M-0326-KT-7310			Product Group	TOP	
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material	100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Season	Q3 2026	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM	Description		Life Cycle Stage	Development	

BTS HOODIE

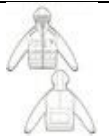
POM Code	POM Name		-Tol	+Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
A201	Front body length from HPS :	Dài thân trước từ cao vai	1/2	1/2	Mixed	26	26 1/2	27	27 1/2	28	29	30	31
H101	Neck width :: SEAM TO SEAM	Ngang cổ từ đm đến đm	1/4	1/4	Mixed	8	8	8 1/4	8 1/2	8 3/4	9	9 1/4	9 1/2
H201	Front neck drop from HPS : Crew	Hạ cổ trước từ cao vai	1/8	1/8	Mixed	3 3/8	3 3/8	3 7/16	3 1/2	3 9/16	3 11/16	3 13/16	3 15/16
H301	Back neck drop from HPS Crew	Hạ cổ sau từ cao vai	1/8	1/8	Mixed	7/8	7/8	15/16	1	1 1/16	1 3/16	1 5/16	1 7/16
D102	Shoulder slope :: from HPS	Xuôi vai - từ cao vai	1/8	1/8	Mixed	1 7/8	1 15/16	2	2	2	2 1/16	2 1/8	2 3/16
D103	Shoulder displacement to front	Chồm vai	1/8	1/8	0	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4
D101	Shoulder width : measured on CB	Ngang vai - đo tại thân sau	3/8	3/8	Mixed	18 3/4	19 1/2	20 1/4	21	21 3/4	22 3/4	23 3/4	24 3/4
B301	Across: Chest : at mid. armhole	Ngang ngực - giữa hõm nách	1/4	1/4	Mixed	16 1/2	17 1/4	18	18 3/4	19 1/2	20 1/2	21 1/2	22 1/2
B201	Across Back : at mid. armhole	Ngang lưng - giữa hõm nách	1/4	1/4	Mixed	16 3/4	17 1/2	18 1/4	19	19 3/4	20 3/4	21 3/4	22 3/4
B101	Chest width : 1" below armhole	Ngang ngực - 1" dưới nách	1/2	1/2	Mixed	20	21	22	23	24	25 1/2	27	28 1/2
C102	Bottom width : 1" above band seam	Ngang lai - 1" trên đường tra bo	1/2	1/2	Mixed	18	19	20	21	22	23 1/2	25	26 1/2
C101	Bottom width at band: inside fold	Ngang lai tại mép	1/2	1/2	Mixed	15 1/2	16 1/2	17 1/2	18 1/2	19 1/2	21	22 1/2	24
E101	Armhole Straight :: measured	Nách đo thẳng	1/4	1/4	Mixed	9 7/8	10 1/4	10 5/8	11	11 3/8	11 7/8	12 3/8	12 7/8
G101	Bicep width: 1" below armhole	Bắp tay dưới nách 1"	1/4	1/4	Mixed	9 1/4	9 1/2	9 3/4	10	10 1/4	10 9/16	10 7/8	11 3/16
F101	L Sleeve overarm fr. CB neck :: 3x	Dài tay từ giữa cổ sau - đo 3	1/2	1/2	Mixed	33 1/4	34	34 3/4	35 1/2	36 1/4	37 1/4	38 1/4	39 1/4
G104	L Sleeve opening: inside fold edges	Cửa tay đo tại mép	1/8	1/8	Mixed	1 15/16	2 1/8	2 5/16	2 1/2	2 11/16	2 15/16	3 3/16	3 7/16
G103	L Sleeve :: 1" above cuff seam	Cửa tay đo 1" trên đường tra bo	1/8	1/8	Mixed	5 7/16	5 5/8	5 13/16	6	6 3/16	6 7/16	6 11/16	6 15/16
F701	Sleeve Cuff Band Height	Cao bo tay	1/8	1/8	0	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2
A703	Body Band Height	Cao bo lai	1/8	1/8	0	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2
H708	Hood casing width :: at CF	Cao điều miệng nón	1/8	1/8	0	1	1	1	1	1	1	1	1
H703	Hood width :: at 5" Below Top Edge	Rộng nón - đo tại 5" dưới đỉnh	1/4	1/4	1/4	9 3/4	10	10 1/4	10 1/2	10 3/4	11	11 1/4	11 1/2
H701	Hood height at CF	Cao nón ở giữa	1/4	1/4	Mixed	14 1/2	15	15	15 1/2	15 1/2	16	16	16
H702	Hood height at HPS	Cao nón tại cao vai	1/4	1/4	Mixed	13	13 1/2	13 1/2	14	14	14 1/2	14 1/2	14 1/2
N201	Pocket opening hem height	Cao miệng túi	1/8	1/8	0	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4
H709	drawcord length : Hood	Dài dây lườn	1/2	1/2	Mixed	40	41	41	42	42	43	43	43
H710	Hood drawcord exit pos. fr neck	Khoảng cách dây lườn	1/8	1/8	0	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4
H606	Inside back neck binding width	To bản viền cổ sau	1/8	1/8	0	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8
H404	Minimum Neck Stretch	Giãn cổ tối thiểu	0	1/2	0	24	24	24	24	24	24	24	24

H606	Inside back neck binding width	1/8	1/8	0	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8
H404	Minimum Neck Stretch	0	1/2	0	24	24	24	24	24	24	24	24	24

NOTES

REFERENCE: **M-0122-KT-6792** 2025 GRAPHIC HOODIE. Reduced back neck width o create neckline for VEST. Reduced hood width accordingly.

Measurement - HOODIE - OFFICIAL GRAPHIC 2025					All measurements are in Inch		Version 1
	Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP	
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material Description		Season	Q3 2026	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development	

CM Measurement - HOODIE - OFFICIAL GRAPHIC 2025							All measurements are in CM						Version 1		
	Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)			Product Group		TOP						
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE					Product Sub-Category		FULL ZIP HOODIE						
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material				Season		Q3 2026						
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM	Description				Life Cycle Stage		Development						
	POM Code	POM Name			-Tol	+Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
!	A201	Front body length from HPS : HOODIE			1.27	1.27	Mixed	66.04	67.31	68.58	69.85	71.12	73.66	76.2	78.74
	H101	Neck width :: SEAM TO SEAM			0.635	0.635	Mixed	20.32	20.32	20.955	21.59	22.225	22.86	23.495	24.13
	H201	Front neck drop from HPS : Crew			0.3175	0.3175	Mixed	8.5725	8.5725	8.7312	8.89	9.0488	9.3663	9.6837	10.0013
	H301	Back neck drop from HPS Crew			0.3175	0.3175	Mixed	2.2225	2.2225	2.3813	2.54	2.6987	3.0162	3.3338	3.6513
	D102	Shoulder slope :: from HPS			0.3175	0.3175	Mixed	4.7625	4.9212	5.08	5.08	5.08	5.2387	5.3975	5.5563
	D103	Shoulder displacement to front			0.3175	0.3175	0	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905
!	D101	Shoulder width :measured on CB body			0.9525	0.9525	Mixed	47.625	49.53	51.435	53.34	55.245	57.785	60.325	62.865
	B301	Across: Chest : at mid. armhole			0.635	0.635	Mixed	41.91	43.815	45.72	47.625	49.53	52.07	54.61	57.15
	B201	Across Back : at mid. armhole			0.635	0.635	Mixed	42.545	44.45	46.355	48.26	50.165	52.705	55.245	57.785
!	B101	Chest width :1" below armhole			1.27	1.27	Mixed	50.8	53.34	55.88	58.42	60.96	64.77	68.58	72.39
!	C102	Bottom width : 1" above band seam			1.27	1.27	Mixed	45.72	48.26	50.8	53.34	55.88	59.69	63.5	67.31
!	C101	Bottom width at band:inside fold edges of band/he			1.27	1.27	Mixed	39.37	41.91	44.45	46.99	49.53	53.34	57.15	60.96
!	E101	Armhole Straight :: measured straight			0.635	0.635	Mixed	25.0825	26.035	26.9875	27.94	28.8925	30.1625	31.4325	32.7025
!	G101	Bicep width:1" below armhole			0.635	0.635	Mixed	23.495	24.13	24.765	25.4	26.035	26.8287	27.6225	28.4163
!	F101	L:Sleeve overarm fr. CB neck :: 3 x point measure			1.27	1.27	Mixed	84.455	86.36	88.265	90.17	92.075	94.615	97.155	99.695
!	G104	L/Sleeve opening: inside fold edges of cuff/hem			0.3175	0.3175	Mixed	4.9212	5.3975	5.8738	6.35	6.8262	7.4612	8.0962	8.7312
!	G103	L/Sleeve :: 1" above cuff seam			0.3175	0.3175	Mixed	13.8112	14.2875	14.7637	15.24	15.7163	16.3513	16.9862	17.6212
	F701	Sleeve Cuff Band Height			0.3175	0.3175	0	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35
	A703	Body Band Height			0.3175	0.3175	0	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35
	H708	Hood casing width :: at CF			0.3175	0.3175	0	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54
!	H703	Hood width :: at 5" Below Top Edge			0.635	0.635	0.635	24.765	25.4	26.035	26.67	27.305	27.94	28.575	29.21
!	H701	Hood height at CF			0.635	0.635	Mixed	36.83	38.1	38.1	39.37	39.37	40.64	40.64	40.64
	H702	Hood height at HPS			0.635	0.635	Mixed	33.02	34.29	34.29	35.56	35.56	36.83	36.83	36.83
	N201	Pocket opening hem height			0.3175	0.3175	0	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905
!	H709	drawcord length : Hood			1.27	1.27	Mixed	101.6	104.14	104.14	106.68	106.68	109.22	109.22	109.22
	H710	Hood drawcord exit pos. fr neck			0.3175	0.3175	0	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175
	H606	Inside back neck binding width			0.3175	0.3175	0	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525
!	H404	Minimum Neck Stretch			0	1.27	0	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96

NOTES

REFERENCE: **M-0122-KT-6792** 2025 GRAPHIC HOODIE. Reduced back neck width o create neckline for VEST. Reduced hood width accordingly.

CM Measurement - HOODIE - OFFICIAL GRAPHIC 2025					All measurements are in CM		Version 1
	Article Code	M-0326-KT-7310			Product Group	TOP	 
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material Description	100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Season	Q3 2026	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development	

POM Code		POM Name		BTS VEST/JACKET		-Tol	+Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
A201	Front body length from HPS : VEST	Dài áo trước từ cao vai	1/2	1/2	Mixed	22 1/2	23	23 1/2	24	24 1/2	25 1/2	26 1/2	27 1/2			
A101	Back body length from HPS : VEST	Dài áo sau từ cao vai	1/2	1/2	Mixed	22 1/2	23	23 1/2	24	24 1/2	25 1/2	26 1/2	27 1/2			
H101	Neck width :: SEAM TO SEAM	Ngang cổ - từ đm đến đm	1/4	1/4	Mixed	9	9	9 1/4	9 1/2	9 3/4	10	10 1/4	10 1/2			
H201	Front neck drop from HPS :	Hạ cổ trước từ cao vai	1/4	1/4	Mixed	7 1/4	7 1/4	7 3/8	7 1/2	7 5/8	7 13/16	7 15/16	7 15/16			
A703	Zipper set up from hem edge	Vị trí tra dây kéo từ mép lai	1/8	1/8	GA	GA	GA	GA	1 1/2	GA	GA	GA	GA			
H301	Back neck drop from HPS Crew	Hạ cổ sau từ cao vai	1/8	1/8	Mixed	1 1/8	1 1/8	1 3/16	1 1/4	1 5/16	1 7/16	1 9/16	1 9/16			
D102	Shoulder slope :: from HPS	Xuôi vai từ cao vai	1/4	1/4	Mixed	7/8	15/16	1	1	1	1 1/16	1 1/8	1 3/16			
D101	Shoulder width : measured on back	Ngang vai - đo ở thân sau	3/8	3/8	Mixed	15 1/4	16	16 3/4	17 1/2	18 1/4	19 1/4	20 1/4	21 1/4			
D103	Shoulder seam displacement to	Chồm vai	1/8	1/8	Mixed	1 1/2	1 1/2	1 1/2	1 1/2	1 1/2	1 3/4	1 3/4	1 3/4			
B301	Across: Chest : at mid. armhole	Ngang vai - giữa hõm nách	1/4	1/4	Mixed	13 1/4	14	14 3/4	15 1/2	16 1/4	17 1/4	18 1/4	19 1/4			
B201	Across Back : at mid. armhole	Ngang lưng - giữa hõm nách	1/4	1/4	Mixed	13 3/4	14 1/2	15 1/4	16	16 3/4	17 3/4	18 3/4	19 3/4			
B101	Chest width : 1" below armhole	Ngang ngực dưới nách 1"	1/2	1/2	Mixed	21	22	23	24	25	26 1/2	28	29 1/2			
C101	Bottom width at bottom binding	Ngang lai - tại mép	1/2	1/2	Mixed	19 1/4	20 1/4	21 1/4	22 1/4	23 1/4	24 3/4	26 1/4	27 3/4			
E101	Armhole Straight :: relaxed, edge to edge	Nách đo thẳng-đo thường từ mép đến mép	1/4	1/4	Mixed	12 3/8	12 3/4	13 1/8	13 1/2	13 7/8	14 3/8	14 7/8	15 3/8			
N205	Chest pocket position from HPS:	Vị trí túi dây kéo ngực từ cao vai	1/4	1/4	1/8	8 1/8	8 1/4	8 3/8	8 1/2	8 5/8	8 3/4	8 7/8	9			
N229	Chest zip. pkt pos fr Cf binding edge	Vị trí túi dây kéo ngực từ giữa mép viền áo	1/4	1/4	0	1	1	1	1	1	1	1	1			
N201	Chest zip.pocket opening	Dài miệng túi dây kéo ngực	1/4	1/4	Mixed	5 1/2	5 1/2	5 3/4	5 3/4	5 3/4	6 1/4	6 1/4	6 1/4			
N601	Chest zip. pocket height at center	Dài túi dây kéo ngực ở giữa	1/4	1/4	Mixed	6	6	6 1/4	6 1/4	6 1/4	6 3/4	6 3/4	6 3/4			
N202	Chest zipper pocket width INCL.ZIP: SEAM TO SEAM	Ngang túi dây kéo ngực bao gồm đường đường may dây	1/4	1/4	Mixed	4	4	4 1/4	4 1/4	4 1/4	4 3/4	4 3/4	4 3/4			
N806	Cargo pocket flap width at top edge - WEARER'S RIGHT	Ngang nắp túi hộp ngực ở mép trên - bên phải người mặc	1/8	1/8	Mixed	2 5/8	2 5/8	2 7/8	2 7/8	2 7/8	3 3/8	3 3/8	3 3/8			
N504	Cargo pocket flap height	Cao nắp túi hộp ngực	1/8	1/8	Mixed	1 3/8	1 3/8	1 1/2	1 1/2	1 1/2	1 5/8	1 5/8	1 5/8			
N211	Cargo pocket height including flap - LONG PKT.	Dài túi hộp ngực bao gồm nắp - túi dài	1/4	1/4	Mixed	5 1/4	5 1/4	5 1/2	5 1/2	5 1/2	6	6	6			
N223	Cargo pocket height including flap: SHORT PKT.	Dài túi hộp ngực bao gồm nắp - túi ngắn	1/4	1/4	Mixed	4 3/4	4 3/4	5	5	5	5 1/2	5 1/2	5 1/2			
N503	Cargo pocket bag width at	Ngang túi hộp ngực ở mép	1/4	1/4	Mixed	2 1/2	2 1/2	2 3/4	2 3/4	2 3/4	3 1/4	3 1/4	3 1/4			
N601C	Cargo pocket bellow width	Cao túi hộp ngực ở mép dưới	1/8	1/8	0	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4			
N221	LOWER FRONT POCKET: Refer to Construction page	Túi hộp có dây kéo bên dưới lai - xem thông số trang quy cách	1/4	1/4	GA	GA	GA	GA	0	GA	GA	GA	GA			
N222	BACK POCKET: Refer to Construction page	Túi hộp sau lưng- xem thông số trang quy cách may	1/8	1/8	GA	GA	GA	GA	0	GA	GA	GA	GA			
B503	Bidning width	To bản viền	1/8	1/8	0	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8			

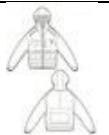
Notes for pattern maker:

Please refer to Construction pages to get measurements for LOWER FRONT POCKET AND BACK POCKET.

Measurement Sheet - VEST					All measurements are in Inch		Version 1
	Article Code	M-0326-KT-7310			Product Group	TOP	
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material Description	100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Season	Q3 2026	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development	

Front pocket position from binding edge up = 1 ½".

Back pocket position from binding edge up = 1".

CM Measurement Sheet - VEST					All measurements are in CM		Version 1
	Article Code	M-0326-KT-7310		100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Product Group	TOP	
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material		Season	Q3 2026	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM	Description		Life Cycle Stage	Development	

	POM Code	POM Name	-Tol	+Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
!	A201	Front body length from HPS : VEST	1.27	1.27	Mixed	57.15	58.42	59.69	60.96	62.23	64.77	67.31	69.85
!	A101	Back body length from HPS : VEST	1.27	1.27	Mixed	57.15	58.42	59.69	60.96	62.23	64.77	67.31	69.85
!	H101	Neck width :: SEAM TO SEAM	0.635	0.635	Mixed	22.86	22.86	23.495	24.13	24.765	25.4	26.035	26.67
!	H201	Front neck drop from HPS : CHEST	0.635	0.635	Mixed	18.415	18.415	18.7325	19.05	19.3675	19.8438	20.1612	20.1612
	A703	Zipper set up from hem edge	0.3175	0.3175	GA	GA	GA	GA	3.81	GA	GA	GA	GA
	H301	Back neck drop from HPS Crew	0.3175	0.3175	Mixed	2.8575	2.8575	3.0162	3.175	3.3338	3.6513	3.9688	3.9688
!	D102	Shoulder slope :: from HPS	0.635	0.635	Mixed	2.2225	2.3813	2.54	2.54	2.54	2.6987	2.8575	3.0162
!	D101	Shoulder width :measured on back body	0.9525	0.9525	Mixed	38.735	40.64	42.545	44.45	46.355	48.895	51.435	53.975
	D103	Shoulder seam displacement to front	0.3175	0.3175	Mixed	3.81	3.81	3.81	3.81	3.81	4.445	4.445	4.445
!	B301	Across: Chest : at mid. armhole	0.635	0.635	Mixed	33.655	35.56	37.465	39.37	41.275	43.815	46.355	48.895
!	B201	Across Back : at mid. armhole	0.635	0.635	Mixed	34.925	36.83	38.735	40.64	42.545	45.085	47.625	50.165
!	B101	Chest width :1" below armhole	1.27	1.27	Mixed	53.34	55.88	58.42	60.96	63.5	67.31	71.12	74.93
!	C101	Bottom width at bottom binding edge - TBC	1.27	1.27	Mixed	48.895	51.435	53.975	56.515	59.055	62.865	66.675	70.485
!	E101	Armhole Straight :: relaxed, edge to edge	0.635	0.635	Mixed	31.4325	32.385	33.3375	34.29	35.2425	36.5125	37.7825	39.0525
	N205	Chest pocket position from HPS: RIGHT/LEFT side	0.635	0.635	0.3175	20.6375	20.955	21.2725	21.59	21.9075	22.225	22.5425	22.86
	N229	Chest zip. pkt pos fr Cf binding edge	0.635	0.635	0	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54
!	N201	Chest zip.pocket opening lengthZIPPER OPENING	0.635	0.635	Mixed	13.97	13.97	14.605	14.605	14.605	15.875	15.875	15.875
!	N601	Chest zip. pocket height at center	0.635	0.635	Mixed	15.24	15.24	15.875	15.875	15.875	17.145	17.145	17.145
!	N202	Chest zipper pocket width INCL.ZIP: SEAM TO SEAM	0.635	0.635	Mixed	10.16	10.16	10.795	10.795	10.795	12.065	12.065	12.065
	N806	Cargo pocket flap width at top edge - WEARER'S RIGHT	0.3175	0.3175	Mixed	6.6675	6.6675	7.3025	7.3025	7.3025	8.5725	8.5725	8.5725
	N504	Cargo pocket flap height	0.3175	0.3175	Mixed	3.4925	3.4925	3.81	3.81	3.81	4.1275	4.1275	4.1275
	N211	Cargo pocket height including flap - LONG PKT.	0.635	0.635	Mixed	13.335	13.335	13.97	13.97	13.97	15.24	15.24	15.24
	N223	Cargo pocket height including flap: SHORT PKT.	0.635	0.635	Mixed	12.065	12.065	12.7	12.7	12.7	13.97	13.97	13.97
	N503	Cargo pocket bag width at BOTTOM edge	0.635	0.635	Mixed	6.35	6.35	6.985	6.985	6.985	8.255	8.255	8.255
	N601C	Cargo pocket bellow width	0.3175	0.3175	0	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905
	N221	LOWER FRONT POCKET: Refer to Construction page	0.635	0.635	GA	GA	GA	GA	0	GA	GA	GA	GA
	N222	BACK POCKET: Refer to Construction page	0.3175	0.3175	GA	GA	GA	GA	0	GA	GA	GA	GA
	B503	Bidning width	0.3175	0.3175	0	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525

NOTES

Notes for pattern maker:

Please refer to Construction pages to get measurements for LOWER FRONT POCKET AND BACK POCKET.

CM Measurement Sheet - VEST					All measurements are in CM		Version 1
	Article Code	M-0326-KT-7310			Product Group	TOP	
	Article Name	FZ TACTICAL HOODIE			Product Sub-Category	FULL ZIP HOODIE	
	Created On	09-09-2025 11:52:00 AM	Material Description	100% COTTON BRUSHED FLEECE-WASHING CM30+CM10 61/39 (FB-K1002)	Season	Q3 2026	
	Last Modified	09-19-2025 8:48:00 PM			Life Cycle Stage	Development	

Front pocket position from binding edge up = 1 ½".

Back pocket position from binding edge up = 1".

